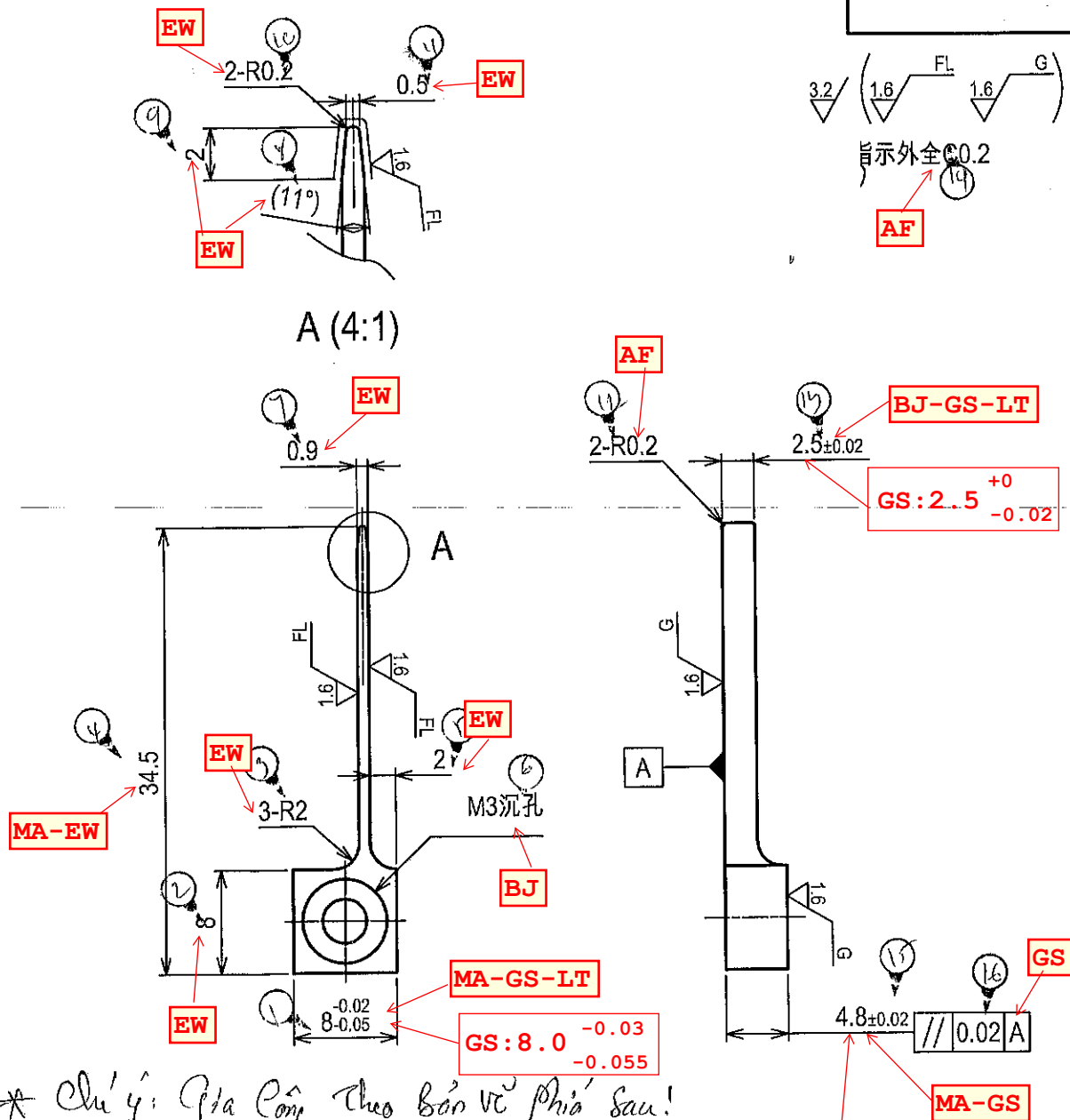


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2016/05/12			Nguyen_Xuan_Viet	Pham_Thanh_Tung	0.5 ≤ , ≤ 6 ± 0.1
△						6 < , ≤ 30 ± 0.2
△						30 < , ≤ 120 ± 0.3
△						120 < , ≤ 400 ± 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k
						FINISH MARKS

7114



メッキはフラッシュメッキ (5μ以下) の事

T6 x 16 x 43

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Nguyen_Xuan_Viet	Pham_Thanh_Tung	部品図	ピン
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	PIN
HRC 50° ~ 55°	SEH-CR	部品図	銷
		部品図	銷
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKS3	2016/05/12	2:1	R050090

SNO: R050090

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKS3 T6*13*40	AA:20 MA:20 BJ:20 HT:40 GS:30 EW:40 AF:10 KA:1 LT:1